

# Ai Bảo Chăn Trâu Là Khổ

(Chương 2 của cuốn “Quê Hương Niềm Đau và Nỗi Nhớ”)

Tác Giả: Huy Vũ

*“Ai bảo chăn trâu là khổ  
Chăn trâu sướng lắm chứ  
Ngồi mình trâu, phát ngọn cỏ lau  
Và miệng hát nghêu ngao...”*

Nghe hát bài “EM BÉ QUÊ” của nhạc sĩ Phạm Duy đã làm cho tôi nhớ lại cả một thời thơ ấu. Hồi ấy tuy còn nhỏ nhưng tôi đã mơ ước được đi chăn trâu, không phải vì muốn bắt chước Đinh Bộ Lĩnh, để “dấy binh lấy lau làm cờ”, mà chỉ vì đi học ở miền quê vào thời ấy, học trò thường bị thầy giáo đánh như cơm bữa. Các vị hương sư thời ấy dường như vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề, về cách thức dạy học từ các thầy đồ nho dạy chữ Hán ngày xưa. Không rõ, các vị này đã dựa vào đường lối sư phạm nào mà lại cho rằng, dạy học trò, phải đánh mới ra chữ.



Trong lúc đó, ngôi trường mà tôi theo học vào những ngày đầu, lại nằm ngay bìa làng và nhìn ra ra một cánh đồng hẹp. Vào giờ ra chơi, từ sân trường, tôi có trông thấy những đứa trẻ chăn trâu bằng tuổi tôi, ngao nghể trên lưng trâu, phe phẩy chiếc roi tre, hò hét ra lệnh là mấy con trâu to lớn, kèn càng rậm rạp nghe theo. Chẳng những thế, chúng lại còn được vui chơi thỏa thích, ca hát nghêu ngao, đùa nghịch thoải mái. Trong khi đó, tôi ngồi trong lớp học thường phải lo ngay ngáy đến chiếc chổi lông gà, hay chiếc roi mây treo lủng lẳng bên cạnh tấm bảng đen. Một hôm ông thầy thấy tôi làm toán sai, liền dang tay thẳng cánh, giáng những cái tát như sấm sét xuống bộ mặt non nớt của tôi. Với phản ứng tự nhiên của trẻ thơ, tôi vội vàng giơ những bàn tay bé nhỏ và mềm mại lên bưng lấy mặt; trong khi bàn tay phải vẫn còn cầm quản bút với ngòi bút bằng thép nhọn hoắt. Cũng may là lúc ấy quản bút nằm xuôi theo lòng bàn tay, nên cạnh ngòi bút sắc bén chỉ làm rách màng tang một đoạn dài không đến nỗi sâu lẩn, nhưng cũng đủ để máu tuôn ra xối xả.

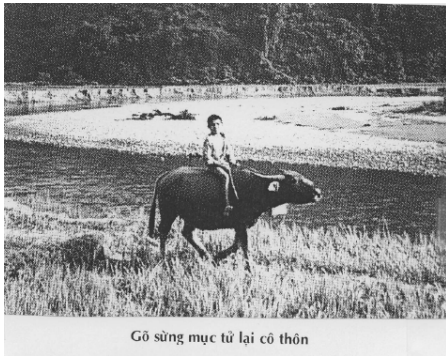
Nhìn những đứa trẻ chăn trâu ngoài cánh đồng, qua làn nước mắt, tôi tự hỏi: “Ai sướng hơn ai ?” Rõ ràng một bên là “thiên đường” và một bên là “địa ngục”. Đến khi học lên được vài lớp, lại được đọc bài “CHĂN TRÂU” trong cuốn QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ nữa, đã khiến tôi càng thêm tin tưởng mãnh liệt rằng “CHĂN TRÂU SƯỚNG LẮM.” Ngay trong đoạn mở đầu, tác giả đã đặt câu hỏi: “Ai bảo chăn trâu là khổ ?” Liền sau đó đã trả lời một cách quả quyết rằng: “không, chăn trâu sướng lắm chứ !” Rõ ràng là theo tác giả, chăn trâu không phải sướng tầm thường đâu mà là sướng lắm. Để người đọc có thể hình dung được một kẻ chăn trâu sướng đến mức nào, tác giả viết tiếp: “Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bươm lượn trên đám cỏ”. Chỉ vài dòng ngắn gọn, tác giả đã nâng chú mục đồng nhem nhuốc, chẳng những thành một kỳ sĩ uy nghi trên lưng ngựa, mà còn có dáng dấp phong nhã của một thi nhân nữa. Dường như tác giả còn cảm thấy mô tả như thế, vẫn chưa lột hết được những lạc thú của chú mục đồng, nên lại bồi thêm một cú “hồi mã thương” nữa rằng: “Trong khoảng trời xanh lá biếc, tôi với con trâu thành thói vui thú, tưởng không còn gì sung sướng cho bằng!” Với cú hồi mã này, rõ ràng là tác giả muốn kết luận rằng: Trên cõi đời này “không có gì thú vị hơn là đi chăn trâu.”

Tôi tin rằng, khi đọc và học bài Chăn Trâu, nếu không e-ngại bố mẹ cho ăn đòn nát đít, thì chắc chắn có nhiều học sinh ở thôn dã, đã xếp bút nghiên cùng sách vở vào cặp, rồi bước lên bục giảng, khoanh tay, cúi đầu, trình trọng thưa với ông thầy rằng: “Xin thầy cho con thôi học, để về nhà theo việc chăn trâu”. Và cũng không thiếu gì học sinh ở thành thị, ăn trắng mặc trơn, đi xe hơi ở nhà lầu, sau khi đọc và học bài Chăn Trâu cũng đã mơ ước có một ngày đẹp trời nào đó được về miền thôn dã để đi chăn trâu. Có người còn nói, nếu Thái Tử Vĩnh Thụy tình cờ đọc bài Chăn Trâu, rất có thể cậu ta dám từ bỏ ngai vàng để đòi đi chăn trâu, và biết đâu còn tuyên bố một câu xanh rờn để đời rằng: “Thà đi chăn trâu được tự do, còn hơn làm vua một nước nô lệ.” Mong ước được đi chăn trâu của tôi vào lúc ấy tuy đơn giản, nhưng xem ra cũng rất khó trở thành hiện thực, bởi vì tôi “sinh lầm” vào một gia đình có nhiều ruộng đất vào bậc nhất nhì trong làng, nên không dễ gì mà thầy

me tôi lại khơi khơi cho phép tôi bỏ học để đi chăn trâu cả. Mặt khác, trẻ chăn trâu ở thôn quê bị coi là thành phần xấu và được sắp vào hàng thứ ba, sau QUỶ và MA, nên những gia đình giàu có ở nông thôn thường mướn người chăn trâu, chứ không ai nở lòng nào để cho con cái đảm nhiệm công việc này.

Nếu thời thế tạo anh hùng, thì thời thế cũng đã giúp tôi trở thành kẻ chăn trâu. Vào thời gian ấy, những biến cố to lớn đã dồn dập xảy ra. Nhật đảo chánh Pháp. Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời. Nạn đói khủng khiếp làm hai triệu người chết. Quân đội Phù Tang đầu hàng. Một trận lụt lớn xuất hiện. Việt Minh nổi dậy cướp chính quyền. Quân Trung Hoa tràn sang tước khi giới quân Nhật. Thực dân Pháp trở lại v.v... đã khiến trường học công cũng như tư trong vùng quê tôi phải đóng cửa. Thế là những đứa trẻ con nhà khá giả ở miền quê như tôi lâm vào tình trạng “thất nghiệp”. Vào dịp may hiếm có này, thầy me tôi đành cho tôi đi tập sự chăn trâu với một anh mục đồng được mướn để chăn những con trâu của gia đình tôi. Đối với tôi, tình hình rối ren lúc bấy giờ là “vận hội mới” biến giấc mơ của tôi thành hiện thực. Nói cho có vẻ văn chương hay đại ngôn một chút là “vận nước nổi trôi đã đẩy đưa tôi thành chàng mục tử.”

Vào nghề chăn trâu chỉ trong một thời gian ngắn thôi, tôi đã sớm nhận ra ngay rằng chăn trâu trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư và chăn trâu ngoài đời khác nhau một trời một vực. Chăn trâu không sướng lắm đâu. Trẻ chăn trâu đâu có tâm hồn thi sĩ để thưởng thức cảnh đẹp nơi miền thôn dã như bà Huyện Thanh Quan đã mô tả:



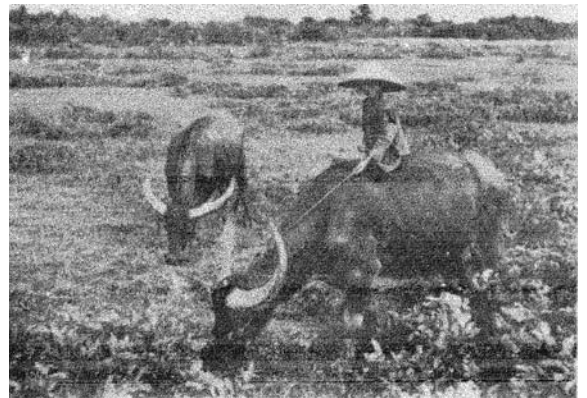
Gò sừng mục tử lại cô thôn

*“Triều trời lảng vảng bóng hoàng hôn  
Tiếng ốc xa đưa vắng trống dồn  
Gác mái ngư ông về viễn phố  
Gõ sừng mục tử lại cô thôn.”*

Hoặc cảnh đẹp rất tự nhiên như Đoàn Phú Tứ đã viết:

*“Con trâu đen chúi mũi đứng bên đồng  
Cứ liếm mãi nắng vàng trên cỏ biếc”.*

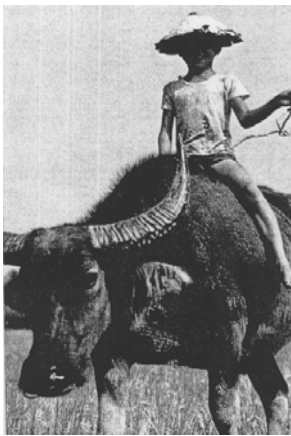
Người ta thường bảo là: “vạn sự khởi đầu nan”. Thật là chí lý. Chí lý cho cả cái nghề mạt rệp là chăn trâu nữa. Lúc chưa đi chăn trâu, tôi nghĩ công việc này dễ như trở bàn tay. Nhưng đến khi thực sự bước vào nghề mới nhận ra rằng những ngày đầu đi chăn trâu là cả một chuỗi ngày đầy gian nan vất vả. Bước đầu tiên vào nghề chăn trâu là phải tập cưỡi trâu. Chăn trâu mà phải lội bộ lẻo đẻo đi trước hay theo sau một con trâu, thì còn gì là thú vị và hào hứng nữa. Nhưng ngồi lên được lưng trâu một cách hiên ngang, ung dung, tự tại như những đứa trẻ chăn trâu thâm niên, không phải là một chuyện dễ dàng. Tôi thì quá nhỏ và những con trâu của gia đình tôi lại cao to, nên leo được lên lưng chúng là cả một vấn đề. Lúc đầu tôi thấy những đứa trẻ chăn trâu bé nhỏ như tôi, khi muốn leo lên lưng trâu, chúng bước tới ngay trước đầu trâu, hai tay nắm hai đầu sừng trâu kéo đầu trâu xuống thấp, leo lên đầu trâu, rồi trèo qua cổ trâu để lên lưng trâu. Thú thật, tôi thấy cách leo này “lạnh căng” quá, vì trâu chỉ cần lắc sừng một cái là có thể ruột, gan, phèo, phổi lòi ra ngoài ngay, nên tôi không đủ can đảm để bắt chước, mà phải nhờ những đứa trẻ chăn trâu khác lớn hơn công kênh tôi lên lưng trâu.



Lần đầu tiên ngồi trên lưng trâu, độ cao từ mắt tới mặt đất độ chừng hơn 2 mét là cùng, nhưng sao tôi thấy xa vời vợi. Người tôi chơi vơi trong khoảng không. Mỗi bước trâu đi tới, toàn thân tôi lắc lư, đong đưa như trứng để đầu đẳng. Nhìn những cục gạch bể, những mảnh sành vỡ, những hàng rào tre gai hai bên vệ đường, tim tôi đập thình thịch, lòng tôi lo ngay ngáy, vì nhận ra rằng, cái đầu húi cua trọc lóc gần như sự cụt của tôi không thể nào đỡ sức được với những mảnh sành sắc bén, những cục gạch gồ ghề. Da mặt của tôi chưa đủ dày để thi gan với những cọng gai tre nhọn hoắt. Thế là tôi đành phải dẹp tự ái vật lại, để năn nỉ những đứa mục đồng vừa đưa tôi lên lưng trâu, đỡ tôi trở về mặt đất, giữa những tiếng la ó cười chê.

Phải tập dượt nhiều lần, kéo dài cả tháng trời, tôi mới ngồi được vững vàng trên lưng trâu, song vẫn còn nhiều khó khăn khác mà tôi phải đối phó. Tỷ như ngồi về phía trước nhiều quá, khi trâu dùng đầu và sừng, đập vào hai bên sườn để sũa đuôi đàn ruồi hay đàn muỗi đang quấy nhiễu ở vùng này, sẽ đập luôn vào ống chân đang để thòng xuống nơi đây. Ông quyền tôi đã hơn một lần lãnh nguyên một chiếc sừng trâu đau thấu tim gan, và để lại một vết bầm tím lớn cả tuần lễ sau vẫn chưa tan hết. Còn ngồi lui về phía sau một chút, mỗi khi trâu vẩy đuôi, sẽ quất luôn vào mặt, cũng không kém phần đau rát. Nếu chẳng may gặp lúc đuôi trâu dính chút phân trâu nữa, thì quần áo và mặt mũi sẽ bị vấy ít nhiều chất cặn bã cở rơm, không thơm tho chút nào.

Nếu đang ngồi trên lưng trâu, mà bất thành linh trâu dừng lại để “đại tiện”, thì kẻ chẵn trâu đang lâm vào một tình huống vô cùng khó khăn. Khi một con trâu muốn tống khứ chất cặn bã từ trong bụng ra ngoài, hai chân trước chụm lại, hai chân sau nhích lên, đầu ngừng cao, dít hạ thấp, hậu môn nhô ra, sống lưng nghiêng về phía sau với độ dốc ít nhất là 45 độ. Nếu không quen với tình hình “chiến sự” và không biết “chiến thuật” phản ứng nhanh, thì với độ dốc lớn của lưng trâu, chàng “kỵ sĩ” ngồi trên đó sẽ bị rớt ngay vào đường “phân đạo” hoặc rớt ngay vào giữa bãi phân. Khi bị rớt vào bãi phân, mà trâu vẫn còn tiếp tục phóng uế, thì chàng thi sĩ sẽ được phân trâu phủ kín từ đầu đến chân.



Đặc biệt hơn nữa, nếu lại đang ngồi ngất nghiêng trên lưng một con trâu cái đến mùa chịu đực nữa, thì tính mạng của chàng kỵ sĩ đang bị đe dọa nghiêm trọng đấy. Khi một con trâu cái đến thời kỳ chịu đực, nước tiểu của nó tiết ra một chất gì đó, khiến cho trâu đực quanh vùng, đánh hơi thấy là lũ lượt tìm đến. Nếu con trâu đực tìm đến với trâu cái, mà bạn đang ngồi trên lưng, thuộc nòi lịch thiệp, thì nó thường đến gần một cách nho nhã, đặt mũi vào “mảnh đất xéo” nơi mà nó nghĩ là đã tiết ra chất hiếm quý, rồi “hít hít, thở thở” dường như để nghiệm xem trúng, trật thế nào? Một khi biết chắc là đã tìm đúng được đối tượng, anh ta hồ hởi ngừng cao đầu, nhe răng cười hớn hở, rồi ung dung tung nửa thân phía trước lên lưng trâu cái. Gặp trường hợp này, bạn có dư thì giờ đối phó. Còn gặp con trâu đực thuộc loại “phàm phu tục tử”, thì nó thường bỏ qua những nghi thức rườm rà, mà cứ sòng sọc nhào tới, nhảy chồm ngay lên lưng trâu cái, không thèm đếm xỉa gì đến sự hiện diện của chàng thi sĩ đang ngồi lù lù một đồng ở đó, dù bạn có chiếc roi trong tay và thi triển những tuyệt chiêu “đả ngư u bổng pháp” đi nữa, nó cũng bất cần. Gặp trường hợp này, bạn rất có thể bị đè bẹp như chiếc bánh tráng.

Khi ngồi trên lưng trâu đang gặm cỏ dọc theo lũy tre sau làng, và đang mãi mê lắng nghe tiếng chim cu gáy “cúc cu cu cu”. Bỗng một con chó nhảy xổ ra, sủa “gâu gâu” làm cho trâu giật mình, nhảy chồm lên, hất chú mục đồng bé bỏng xuống đất đau điếng hoặc lọt vào giữa bụi rậm đầy gai góc. Cũng có khi trâu dành nhau ăn cỏ, con nọ húc con kia, khiến cho con trâu bạn đang cưỡi, chồm tới hay thối lui một cách bất thành linh, làm cho bạn mất thăng bằng, chúi đầu xuống đất khiến lỗ mũi “ăn trâu” đỏ loét. Trong đám trẻ chẵn trâu làng tôi thỉnh thoảng lại được tin đứa này bị trâu húc bể mặt, đứa kia té trâu gãy tay, què giò là chuyện rất thường tình.

Càng thâm niên bao nhiêu, thì việc leo lên hay tuột xuống khỏi lưng trâu càng thuần thục bấy nhiêu. Sau gần một năm trong nghề, tôi có thể nhảy lên lưng trâu như những chàng kỵ mã chuyên nghiệp phóng lên lưng ngựa, rồi dùng “đả ngư u bổng pháp” bắt trâu phi nước đại. Cưỡi trâu phi nước đại oai phong lẫm liệt hơn ngựa rất nhiều, vì trâu to lớn kình cang như voi, lại thêm cặp sừng lớn nhọn hoắt như hai múi giáo. Tôi cũng có thể đứng thẳng người trên lưng trâu trong lúc trâu phi và từ thế đứng này tôi có thể phóng xuống đất một cách nhẹ nhàng. Nhiều lần mũi tôi nở lớn, tưởng chừng như muốn nổ tung ra, khi trở tài biểu diễn cưỡi trâu phi nước đại, nhảy từ lưng con này sang lưng con khác, khi chúng đang đi trong đàn, đứng một chân trên lưng trâu trước những con mắt vô cùng thán phục của những đứa em họ tản cư từ Hà Nội lên.

Mục đồng bị coi là thành phần bất hảo ở miền thôn dã, vì chúng thường phá làng, phá xóm, ăn gian, nói dối và phần đông là con nhà nghèo đi ở đợ. Trong đám trẻ chẵn trâu cũng có nhiều đứa con nhà khá giả có chút học thức, song vì gia đình neo đơn nên phải đi chẵn trâu. Nhưng dù là con nhà nào đi nữa mà đi chẵn trâu lâu năm cũng đều tình quái cả.

Quần áo của mục đồng thường rách như tổ đĩa. Có khi rách mau quá đến nỗi không kịp vá, phải lấy lạt buộc túm lại. Có lẽ vì phải dãi nắng, dầm mưa, ngồi lê, ngồi lết, lội bùn, lội sinh quá nhiều lần trong ngày, nên sợi vải mau mục nát chẳng? Nón lá của trẻ chẵn trâu là một vật đa dụng, không chỉ làm công việc che đầu chống

lại nắng mưa, mà còn dùng làm quạt khi trời nóng, dùng để lót đít khi ngồi, dùng làm gàu múc nước uống, tắm người, tắm trâu.... Vì quá đa đoan như thế nên chiếc nón mới tinh ngày nào, chỉ ít lâu sau đã méo mó, sứt cạp, bung vành, rồi nhanh chóng trở thành nón mê.

Mỗi đứa trẻ chăn trâu thường có một cây roi dùng làm vũ khí trừng trị và răn đe những con trâu mà chúng có bốn phận phải trông coi. Roi thường là một nhánh tre tươi to bằng ngón tay và dài khoảng hơn một mét, đã được cắt bỏ các nhánh nhỏ, song vẫn còn giữ nguyên máu gò ghề. Với những chiếc roi như vậy, chỉ cần quát gió cũng đã tạo được âm thanh vi vút, khiến trâu phải răm rắp tuân lệnh.

Chăn trâu, có nghĩa là phải dẫn trâu tới một khu đồng ruộng nào đó mà “cỏ non xanh ngắt” để cho chúng có dịp “liếm nắng vàng trên cỏ biếc”. Đồng thời phải canh chừng không cho trâu đột nhập vào những thửa ruộng kế cận đang được trồng lúa để “xoi tái” những đám mạ non mượt mà, hay những đám lúa con gái mơn mớn, hoặc những đám hoa màu xanh tươi. Những khu đất mà “cỏ non xanh tận chân trời” để cho trâu ăn cỏ tự do mà không cần phải canh chừng 100% ở vùng quê miền Bắc rất là hiếm hoi. Phần đông là những vùng đất nhỏ hẹp xen kẽ với những thửa ruộng đang được trồng lúa, nên trẻ mục đồng phải chăm chú vào việc chăn trâu, do đó không có nhiều thời giờ rảnh rang để “tư duy” đến ngoại cảnh. Đi chăn trâu nhiều lúc phải lội bộ, lội bùn, lội đất đóng cày gỗ ghề, lờm chờm cứng như đá để dẫn trâu từ vùng này tới vùng kia. Có lẽ để thích nghi với môi trường sống, gan bàn chân của trẻ chăn trâu, dù mới chín mười tuổi đầu, đã mọc ra một lớp da chai cứng, có khi dày đến một hay hai mi-li-mét, đến nỗi đi trên sỏi đá không cảm thấy đau, đi trên cát hay trên gạch đá dưới nắng gay gắt không cảm thấy nóng. Chân của trẻ chăn trâu tuy trẻ tuổi nhưng đã sớm thuộc loại “chân cứng đá mềm”.

Trong khi chăn trâu, đôi lúc bàn chân bé bỏng của trẻ mục đồng, còn bị trâu xéo lên nữa. Đau lắm bạn ơi! Hãy tưởng tượng, một con trâu nặng khoảng 500 kí-lô, khi xéo lên bàn chân của một đứa trẻ mục đồng, thì ít nhất cũng 1/4 trọng lượng của trâu được tập trung vào một bề mặt rất nhỏ có hình vành cung dưới móng chân trâu, thì mu bàn chân non nớt của đứa trẻ chăn trâu, phải chịu đựng một sức ép lớn đến mức nào. Có lần tôi bị trâu xéo lên mu bàn chân đau điếng, sưng phù và để lại một vết bầm tím phải bóp rượu thuốc liên tiếp trong nhiều ngày mới hết. Về sau, mấy đứa trẻ chăn trâu thâm niên chỉ cho tôi cách chữa “mẹo”. Theo cách này, thì ngay sau khi bị trâu xéo, không được nóng giận đánh đập trâu, mà phải hết sức bình thản như không có chuyện gì xảy ra, lấy bàn chân bị trâu xéo đạp lên ngay cái chân gây ra sự cố của trâu, rồi đọc câu bùa chú: “Mày xéo chân tao, tao xéo chân mày”. Tôi đã có nhiều cơ hội thử nghiệm phương thuốc này, thấy rất hiệu nghiệm.

Trẻ mục đồng đôi khi vừa phải chăn trâu vừa phải kiếm thức ăn cho gia đình hay cho chủ nữa. Lúc mò cua, lúc bắt ốc, lúc đào chuột, lúc bẫy chim, lúc bắt châu chấu để làm thức ăn cho gia đình v.v.. Vào thời gian đầu mùa, nhiều lúc kiếm được một con cua rất vất vả, phải thọc tay vào hang sâu, mò mẫm, luồn lách mới moi ra được một con. Bắt cua mà đưa nguyên bàn tay vào hang cua, thật khó tránh bị kẹp, nên năm đầu ngón tay của trẻ mục đồng mang đầy những vết thương lấm chấm.

Vào mùa mưa, trẻ chăn trâu còn bị nước ăn chân nữa. Khổ ơi là khổ ! Có lẽ những người sống ở thành phố, quanh năm mang giày dép, đi lại trên đường phố khô ráo, nên không thể biết được bệnh nước ăn chân như thế nào? Đó là một bệnh do vi khuẩn, có thể nhìn thấy bằng mắt thường, sống trong nước dơ, ăn mòn lớp da quanh các ngón chân và quanh bàn chân. Sau khi đã “xoi tái” hết lớp da bên ngoài, là chúng “xực” đến lớp thịt bên trong, làm bàn chân lở loét đỏ lôm. Lúc đầu, nạn nhân cảm thấy ngứa ngáy rất khó chịu. Càng về sau càng xót xa và đau buốt vô cùng. Nhà nông thường chữa trị bệnh nước ăn chân bằng cách lấy phèn chua phi lên, tán nhỏ, lấy bột rắc vào vết thương. Nếu vẫn minh hơn một chút, thì ngâm chân vào dung dịch thuốc tím (potassium permanganate).

Những khu đồng trống rộng lớn tạm thời bỏ hoang cho cỏ mọc để cho trâu ăn, thường ở khá xa làng mạc, nên khi chăn trâu ở vùng này, trẻ mục đồng đôi khi phải chịu đói khát, và phải tự tìm kế mưu sinh. Khi khát, chúng thường cắt cử nhau đi vào làng xóm gần nhất để xin nước uống. Để có thể mang nước đi xa, trẻ chăn trâu ở vùng quê ngày xưa đâu có sẵn bình-tông hay xô đựng nước như bây giờ, nên thường phải lấy một tàu lá chuối non còn nguyên vẹn, bẻ cuống gấp lại thành hình nón, rồi lót vào lòng chiếc nón lá để chứa nước mang đi. Lúc chăn trâu lẻ loi mà khát nước thì đành phải uống nước vũng trâu đầm, nước lỗ chân trâu, nếu không có nữa thì đành chịu khát cho tới lúc “lại cô thôn.” Khi đói, trẻ chăn trâu thường phải mò cua bắt ốc, bắt châu

chấu, cào cào, cà cuống, đế cơm v.v.. .. nướng ăn cho đỡ đói lòng. Cua nướng, ốc lụi ăn rất thơm ngon. Đặc biệt là cà cuống nướng ăn rất thú vị. Khi nhận chìm con cà cuống vào đồng tro nóng bỏng, chỉ một lát sau là từ đồng tro ấy xì ra một lỗ hơi với mùi thơm độc đáo đến nhức mũi. Khi nhai con cà cuống trong miệng, dầu của nó tan ra thấm vào tế bào lưỡi, tức khắc chuyển ngay lên sống mũi mùi vị cay-cay, tê-tê, đê-mê khó tả. Trẻ chăn trâu thường được coi là người “tốt bụng” nên dù có ăn bậy bạ đi nữa, nhưng vẫn được một nhân vật nổi tiếng gian hùng trong Tam Quốc Chí là “Tào Tháo” rất kính nể.

Một nỗi khổ khác hầu như gặp hàng ngày, song trẻ chăn trâu dù được xếp hạng sau quỷ và ma cũng vẫn ngán ngẩm là ĐĨA. Các thửa ruộng mới ngày nào còn khô ráo, nay vừa mưa xuống xâm xấp nước, là đĩa ông, đĩa bà, đĩa mẹ, đĩa cha, đĩa con, đĩa cái, đĩa cháu, đĩa chất.... .. không biết từ xó xỉnh nào kéo ra mà nhiều đến thế. Có những thửa ruộng nước trong leo lẻo, trông không thấy bóng dáng một con đĩa nào “phe phẩy” cả. Ấy thế mà vừa thọc chân xuống, lội bì bõm được mấy bước, là họ hàng nhà đĩa nhận ra ngay “trong nước có biến động” là ào ào kéo nhau “xuống đường” lên như bánh canh. Lội qua vài thửa ruộng là đã có vài chục con đĩa nhỏ bằng đầu tăm, đầu đũa bám dài dài theo các kẽ chân, và bầy, tám con đĩa to bằng lá tre xanh lè bám vào ống chân, đang mò mẫm tìm “huyết đạo” để hút máu. Gỡ được những con đĩa khỏi ống chân không phải là chuyện dễ dàng. Cứ gỡ được đầu này thì đầu kia bám lại. Nắm chắc một đầu, kéo căng đến nỗi tưởng chừng như thân đĩa đứt làm hai đoạn, mới chịu nhả nốt đầu còn lại; song lại bám vào đầu những ngón tay, lằng nhằng mãi không chịu buông tha. Có lẽ, cổ nhân nói “dai như đĩa đói” là vậy.

Muốn gỡ đĩa một cách nhanh chóng, người ta phải nhỏ nước miếng vào lòng bàn tay, rồi xoa lên mình đĩa. Nước bọt có chứa khí carbonic, nên làm cho đĩa co rúm lại, không còn bám vào da thịt được nữa. Gặp trường hợp, nước bọt đã cạn khô, mà đĩa vẫn còn bám đầy dầy, thì nguy to đấy. Khi bị đĩa tấn công bằng chiến thuật “biến người”, nhà nông thường phải dùng tới loại vũ khí hoá học giết đĩa hàng loạt là dung dịch nước vôi, CaCO<sub>3</sub>. Quét hoá chất này đến đâu là đĩa giãy giụa và rớt như sung rụng đến đó. Dung dịch CaCO<sub>3</sub>, tuy rẻ tiền và dễ kiếm ở vùng thôn quê, nhưng rất tiếc lại là chất lỏng hoà tan trong nước, nên không thể sử dụng để xua đuổi những con đĩa đang hút máu ở phần da thịt dưới mặt nước được, và cũng rất bất tiện cho việc mang kè kè theo bên mình một bình nước vôi như một loại vũ khí cá nhân để phòng thân. Do đó, nhà nông đã “chế tạo” ra một loại vũ khí hoá học khác tối tân hơn dung dịch CaCO<sub>3</sub> rất nhiều. Hợp chất này gồm 3 chất chính: vôi tôi – bồ hóng – dầu ép từ hạt cây. Ba chất này được trộn chung với nhau, không cần theo một tỷ lệ nhất định nào, nhưng với điều kiện là phải kết cấu thành một chất đặc quánh, và được viên thành từng cục, bọc vải ở bên ngoài, kẹp vào đầu một thanh tre ngắn, cài vào lưng quần như một khẩu súng ngắn. Khi thấy đĩa bám vào người, nhiều hay ít, dưới hay trên mặt nước, cứ việc rút súng này ra, quét thẳng vào thân đĩa, là chúng co rúm lại, bỏ chạy tức thì.

Trẻ chăn trâu chẳng những phải bắt đĩa cho mình mà con phải bắt đĩa cho trâu nữa. Những con đĩa nhỏ dường như cơ bắp ở miệng không đủ mạnh để làm lủng được da trâu, nên thường chỉ thấy những con đĩa lớn, gọi là “đĩa trâu”, bám theo trâu mà thôi. Đĩa trâu lúc đói bơi lội trên mặt nước mỏng tanh như chiếc lá tre loại lớn, nhưng sau khi hút máu no nê, căng phồng lên, dầy đà như một quả chuối già. Đĩa không có răng, nên dùng miệng hút mạnh làm cho da người hay da trâu nứt ra. Vết nứt có hình hoa thị 3 cánh, chia chỗ da bị hút rách thành ba góc bù, có đỉnh chung, rất đều nhau. Khi hút máu, đĩa tiết ra một chất gì đó, có tác dụng như thuốc tê, khiến cho nạn nhân không cảm thấy đau đớn, mà chỉ cảm thấy hơi ngứa ngứa một chút mà thôi. Nếu không “cảnh giác cao độ” thì khó có thể biết mình đang bị đĩa hút máu. Trong nước bọt của đĩa, còn được trời cho chất HIRUDIN. Chất này có tác dụng làm cho máu không đông, để đĩa hút máu được liên tục. Khi đã hút no nê, đĩa bỏ đi rồi, nhưng máu ở vết thương vẫn tiếp tục rỉ ra một thời gian khá lâu mới chịu ngưng rỉ ngay.

Trâu chỉ cần mục đồng gỡ đĩa ở những chỗ nào mà lưỡi của chúng không thể liếm tới được. Nước bọt trâu cũng chứa thán khí, nên trâu liếm đi liếm lại vài lần là đĩa rớt ra. Có những con trâu, dường như rất “căm thù” đĩa vì đã hút máu chúng, nên thay vì liếm cho những con đĩa đã no tròn rớt ra, chúng lại ngoạm luôn vào miệng, nhai một cách ngon lành như nhai cỏ non. Nếu tác giả bài “Chăn Trâu” đi chăn trâu vào vùng nhiều đĩa, chắc phải vất giò lên cổ mà chạy, đâu còn tâm hồn thi sĩ nữa để “nghe chim hót trên chòm cây” hay để “trông bướm lượn trên đám cỏ” nữa.

Chăn trâu vào mùa hè ở miền Bắc, phải hứng chịu cái nắng gay gắt. Nắng cháy da. Nắng khô ruộng. Nắng làm da trâu nóng bỏng như lò lửa, khiến cho trẻ chăn trâu không thể ngồi lên lưng trâu được. Nắng đến nỗi trâu đổ mồ hôi nhễ nhại, phải tự động tìm bóng mát để nghỉ ngơi hay dầm mình trong những vũng bùn lầy. Dưới cái nắng gay gắt và khủng khiếp như thế, trẻ chăn trâu vẫn phải lẻo đẹo theo đàn trâu. Đôi khi, đến cả cái nón mê cũng không có mà đội, nên đám tóc trên đầu khô khốc như rơm, vàng kè như râu bắp, dựng đứng như lông thú. Khi mặt trời vừa gác non đoài, cũng là lúc “mục tử” lừa trâu “lại cô thôn”. Trước khi cho trâu về chuồng, mục đồng thường phải lừa trâu xuống ao hồ hay sông rạch cho trâu uống nước, và tắm rửa. Trong khi đàn trâu ngâm mình dưới làn nước mát thì bọn mục đồng cũng cởi quần áo nhào xuống nước bơi lội và nô đùa với nhau. Trần như nhộng, nên trên thân thể trẻ mục đồng thấy có nhiều mảng đen trắng khác nhau. Chỗ được quần áo che kín thì có màu cháo lòng. Chỗ phải thi gan cùng tuế nguyệt, thì đen như da trâu. Sang mùa đông, mục đồng lại phải chịu đựng cái lạnh như cắt da giữa cánh đồng trống trải. Trẻ chăn trâu thuộc con nhà khá giả thì còn có quần dày, áo dạ, khăn phủ la quàng cổ chùm đầu. Còn con nhà nghèo đi ở đợ thì thường phải mặc hai ba lớp quần áo vá đơn vá kép. Nhờ nhiều miếng vá chồng chất lên, nên bộ quần áo rách vá thường ấm hơn bộ quần áo thường. Để chống lại những làn gió lạnh như cắt da từ miền Bắc thổi xuống, mặc dầu trời không mưa, nhưng trẻ mục đồng cũng mang theo một áo tơi mưa làm bằng lá cọ non, để “hễ gió chiều nào thì che chiều ấy”. Chăn trâu vào mùa đông giữa những cánh đồng trống vắng, mục đồng thường túm năm, túm ba lại với nhau, cạy từng cục đất lớn từ lỗ nê lên, xếp thành những bức tường chống gió, rồi ngồi quây quần lại với nhau đốt lửa sưởi. Nếu không kiếm được củi để đốt sưởi, thì ngồi sát lại để truyền hơi ấm cho nhau. Vào những ngày mưa phùn gió bắc khổ ơ là khổ ! Đốt lửa sưởi cũng không được, cưỡi trâu để lấy hơi ấm từ thân trâu cũng không xong, nên đành phải thi gan cùng mưa gió.

Đặc biệt vào những buổi chiều đông lạnh giá, trước khi cho trâu về chuồng, lũ trẻ chăn trâu còn phải lừa trâu xuống ao hồ, sông rạch để cho trâu uống nước và suy trâu đái nữa. Vào mùa đông, hầu như trâu không có dịp đổ mồ hôi, nên việc thoát nước dư thừa ra khỏi thân thể to lớn của trâu đều qua đường tiểu tiện. Mỗi lần trâu đái, ít ra cũng 4 hay 5 lít nước. Lượng nước này nếu tràn lan trong chuồng trâu sẽ làm cho việc vệ sinh chuồng trại trở nên khó khăn. Nước đái trâu trộn lẫn với phân trâu tạo thành một hợp chất nhão nhẹt vừa khai vừa thối, lại rất khó quét dọn nữa. Nhiều khi, vì chuồng chật chội, nên khi nằm xuống ngủ, trâu thường nằm đè lên cả phân lẫn nước tiểu dơ dáy vô cùng. Do đó, trước khi lừa trâu về trường để ngủ nghỉ qua một đêm đông lạnh lẽo, trẻ chăn trâu còn phải suy trâu đái. Khi suy trâu đái, trẻ chăn trâu thường phải hát bài “suy trâu đái” tương tự như những bài hát “ru em” có vần có điệu, lúc trong “như gió thoảng ngoài” và lúc mau “sầm sập như trời đổ mưa” nghe rất bù tai. Rất tiếc là đã hơn 50 năm qua rồi, nên tôi hầu như quên hết bài ca này mà chỉ nhớ là cứ sau mỗi đoạn là điệp khúc “đá a á i trâu” được nhắc lại. Người ta thường nói “đàn gảy tai trâu”, có ý chê bai trâu không biết thưởng thức tiếng đàn, tiếng hát. Nói thế, là con người đã vi phạm “ngưu quyền” đấy. Theo tôi, trâu có thể hiểu được lời ca tiếng hát. Chẳng thế mà khi đang uống nước dưới ao hồ hay lòng sông, mà nghe khúc hát suy trâu đái của trẻ mục đồng cất lên, thì trâu thắm thía đáp ứng ngay.

Nếu trẻ chăn trâu là người ở đợ thì còn phải vất vả hơn nhiều, vì ngoài các công việc như những đứa trẻ chăn trâu khác, dù nhỏ bé, còn bị chủ bắt phải làm vệ sinh chuồng trại cho trâu nữa. Nói một cách rõ hơn là phải hót phân cho trâu đến nỗi ẹo cả xương sống xương sườn. Gặp lúc trâu “táo bón” thì việc hót phân không mấy khó khăn. Còn lúc gặp trâu “ỉa chảy” và đái chuồng nữa thì chuồng trâu không khác gì một bãi lầy địa ngục.

Tuy trẻ chăn trâu phải chịu đựng khá nhiều vất vả gian nan, nhưng cũng có đôi lúc huy hoàng và được vui chơi thoải thích. Đặc biệt là vào dịp mùa màng vừa thu hoạch vừa xong, mà thời vụ trồng tỉa các loại hoa màu khác vẫn chưa tới. Vào lúc này, mục đồng không phải canh chừng trâu 100%, nên rộng rãi thì giờ, tha hồ đùa nghịch. Dẫn trâu ra tới cánh đồng trống vắng, cuốn từng trâu (1) quanh sừng trâu theo hình số 8 hay số 0 cho gọn lại, rồi bỏ mặc chúng kiếm cỏ ăn theo bầy. Đây là lúc trẻ mục đồng tụ tập lại để nô đùa hay chơi các trò chơi một cách thoải thích.

Các trò chơi của trẻ mục đồng thường có màu sắc thể thao thể dục như: đấu vật, cướp cờ, đập lon, nén quân, vật lộn, nhảy cao, nhảy dài, chạy đua, đá dế, đá banh với những trái banh bó bằng lá chuối khô, hoặc bằng những trái bưởi non, v.v... Chăn trâu vào dịp tết còn thích thú hơn nữa, vì được mặc quần áo mới, lại có tiền phát vốn hay lì-xì lèng kèng trong túi, nên tha hồ mà đánh đáo, đánh bắt, đánh tam cúc, đánh lú.... Trò đấu vật được phong theo tục lệ Hội Vật cúng đình vào dịp tết Nguyên Đán của làng tôi. Bọn mục đồng thường ghép hai đứa trẻ chăn trâu có sức lực tương đồng để đấu với nhau. Trong trò chơi này, hai đối thủ thường bắt tay tư, rồi bằng cách này hay cách khác làm đối phương phải ngửa bụng lên trời. Trò chơi tương đối tao nhã và

hấp dẫn hơn cả trò đá dế. Những trận đấu để tuyển chọn để hạng nhất và hạng nhì trong đám trẻ mục đồng làng tôi rất sôi nổi. Muốn có một con dế được đám mục đồng công nhận là hạng nhất, phải bỏ công tìm bắt hàng trăm con khác để tuyển lấy những con thật chiến mang đi đấu. Bắt dế vào những ngày đầu mùa là cả một nghệ thuật tinh vi, vì vào lúc ấy dế được chằng những rất hiếm mà thường ở trong hang sâu, khi cần mới bò ra để kiếm ăn hay kiếm bạn gái. Bắt dế là phải vênh tai lên nghe, xem tiếng gáy phát ra từ chỗ nào, rồi phải hết sức nhẹ nhàng tìm đến. Dế thường nhút nhát lại rất thính tai, nên cứ khẽ nghe thấy tiếng động dù rất nhẹ, cũng im ngay tiếng gáy, rồi chui thụt vào hang. Những đứa mục đồng chơi dế thâm niên, khi nghe tiếng gáy, chúng có thể đánh giá gần đúng, con dế đang gáy thuộc loại chiến hay loại xoàng. Nếu là loại chiến mới cố công tìm bắt. Càng đến gần tiếng gáy bao nhiêu, lại càng phải nhẹ nhàng bấy nhiêu. Một cục đất nhỏ bễ dưới chân, một tiếng thở mạnh v.v.. cũng có thể làm cho chú dế im hơi lặng tiếng. Khi đã trông thấy dế rồi, thì phải lạnh tay chụp lẹ, đồng thời cũng phải nhẹ nhàng và khéo léo. Nếu dế bị gãy càng, đứt râu là kể như công trình rình rập mất toi.

Khi nghe thấy tiếng dế được ghẹ mái thì thường dễ bắt hơn. Tiếng dế ghẹ mái không lớn và không vang xa như tiếng gáy, nên khó có thể nghe thấy từ xa. Dế trống có lẽ cũng thuộc nòi đại gái như mọi giống dế trên hành tinh này. Khi mê dế mái rồi thì dế được ghẹ liên hồi, chạy quanh quanh dế mái, chẳng thèm để ý gì đến những sự cố chung quanh. Tiếng động tương đối lớn ngay bên cạnh cũng khó làm cho chàng bỏ cuộc. Nếu bạn nhốt chung chàng và nàng với nhau, mà lại quên cho ăn, là chỉ vài ngày sau toàn bộ thân thể to béo mập mập của chàng đã chui hết vào cái bụng phúng phính của nàng.

Sau cách mạng tháng Tám 1945, không rõ xuất phát từ đâu mà trong đám trẻ chăn trâu làng tôi có một vài đứa học được lối nói lái, gọi là lái lân. Rồi chúng chỉ dạy lẫn nhau, và chỉ trong một thời gian ngắn là đứa nào đứa ấy đều thông thạo lối nói lái này cả. Khi muốn nói một điều gì đó, mà không muốn cho người lớn biết, chúng tôi dùng cách nói lái này để truyền đạt với nhau. Sở dĩ được gọi là lái lân, có lẽ là vì khi muốn nói lái một từ nào đó, thì chỉ việc ghép từ này với từ lân, rồi nói lái cặp từ ghép này.

Thí dụ, một trẻ chăn trâu hỏi người bạn rằng: “Hôm nay mày có đi chăn trâu không?” và khi chuyển sang lái lân được tiến hành như sau:

- **hôm+lân**: nói lái thành “hân-lôm”
- **nay+lân**: nói lái thành “nân-lay”
- **mày+lân**: nói lái thành “màn-lay”
- **có+lân**: nói lái thành “cán-lo”
- **đi+lân**: nói lái thành “đân-li”
- **chăn+lân**: nói lái thành “chân-lăn”
- **trâu+lân**: nói lái thành “trân-lâu”
- **không+lân**: nói lái thành “khân lông”

Nói nguyên câu kể trên bằng lái lân sẽ là: **“Hân-lôm nân-lay màn-lay cán-lo đân-li chân-lanh trân-lâu khân lông?”**. Có người bảo là do cán bộ Việt Minh trước tháng 8/1945 đã lợi dụng trẻ chăn trâu làm giao liên, nên đã dạy chúng cách nói lái này, để bảo mật những tin tức mà chúng muốn trao đổi với nhau. Sau tháng 8/1945 sự bảo mật không còn cần thiết nữa, nên LÁI LÂN được phổ biến rộng rãi trong giới chăn trâu.

Trần trâu trong thời bình là như thế đấy. Còn chăn trâu trong thời chiến thì vất vả và gian nan hơn nhiều. Đòi khi tính mạng của trẻ chăn trâu giống như chỉ mảnh treo chuông. Làng tôi nằm vào khúc quanh của sông Hồng, bên kia là đồn Hưng Hoá và Trung Hà, nên quân đội viễn chinh Pháp thường từ những đồn này vượt sông tràn sang, xâm nhập vào làng. Dân làng tôi nghe theo lời khuyến dụ của chính quyền, nên cố bám lấy ruộng để canh tác và ủng hộ kháng chiến. Mỗi khi nghe thấy tiếng trống, hay tiếng kèn của các tổ du kích canh gác báo động cho biết quân Pháp vượt sông, là bọn trẻ chăn trâu làng tôi lại đánh trâu chạy thực mạng vào các làng khác nằm bên trong làng tôi đến 4 hay 5 cây số. Trước khi vượt sông, là đủ các loại súng từ đồn Hưng Hoá nã sang làng tôi ào ào. Đôi khi còn có cả đại bác từ đồn Trung Hà bắn lên yểm trợ nữa. Đạn nổ mặc đạn, trẻ chăn trâu làng tôi vẫn hiên ngang “đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu...” thúc đàn trâu anh dũng chạy như bay. Nhiều khi, nghe tiếng đạn bay vào bên tai, chúng tôi cũng không dám ngừng lại để tìm chỗ ẩn nấp, vì chậm trễ là cả trâu lẫn người sẽ lọt vào tay quân Pháp.

Trâu có thích nghe tiếng đàn hoặc tiếng hát không? Quả thật tôi không dám khẳng định. Song tôi có thể đoán chắc rằng, trâu rất sợ tiếng súng. Khi nghe thấy súng nổ đi đùng, là chúng đã nhón nháo tìm đường tháo chạy. Khi tràn sang vùng quê tôi, quân Pháp không phải chỉ mục đích tảo thanh những toán du kích lẻ tẻ, hay các đơn vị chủ lực huyện, mà còn có mục đích phá huỷ hạ tầng kinh tế cùng phương tiện canh tác nữa, nên gặp trâu là chúng bắt và nếu không bắt được thì chúng bắn chết. Có lần vào dịp cận tết Nguyên Đán đàn trâu và đám mục đồng làng tôi đã bị một phi tuần khu trục cơ gồm 2 chiếc, sà xuống thật thấp bắn xối xả. Nhờ sợ tiếng đạn nổ, nên ngay sau khi những viên đạn 12.7 vừa thoát ra khỏi nòng, là đàn trâu hoảng sợ chạy tán loạn và phân tán ra rất mỏng, do đó chỉ có một số ít chết và bị thương thôi. Đám mục đồng chúng tôi, tuy không có đứa nào thiệt mạng, nhưng có vài ba đứa sứt chết vì đạn ghim kể thân mình và hồn vía đã bay lên tận mây xanh, khá lâu sau mới trở về.

Sau nhiều năm dài lăn lộn trong nghề chăn trâu, tôi thấy chăn trâu nhàn nhã, sung sướng rất ít; vất vả và cực khổ thì rất nhiều. Thật tình, tôi không hiểu tại sao tác giả bài “Chăn Trâu” lại vận dụng “hết lời văn chương” và “hết ý chữ nghĩa” để ca tụng nghề chăn trâu như một nghề thích thú nhất trên đời. Phải chăng, ca tụng như thế là có ý xúi giục đám học sinh trẻ người non dạ rằng: “Học hành làm gì cho cực thân, về đi chăn trâu sướng hơn.” Không biết khi viết như thế, tác giả có biết là, đã vô tình tuyên truyền không công cho chính sách ngu dân của Thực Dân Pháp hay không? Trong thời gian cai trị nước ta, thực dân Pháp không bao giờ muốn dân ta được học nhiều, vì chúng biết rất rõ rằng: Dân ta càng học cao bao nhiêu, lại càng chống đối chúng nhiều bấy nhiêu, và càng ngu dốt bao nhiêu, lại càng dễ dè đầu cưỡi cổ bấy nhiêu.

Huy Vũ